

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HẢI AN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 25/2020/HNGĐ-ST
Ngày 24-6-2020
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con
khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HẢI AN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Đức Hoàng.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Minh Hằng

Bà Dương Thị Hồng Vân

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Quyên - Thư ký Tòa án nhân dân quận Hải An, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Hải An, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Ngô Thị Thiêm - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 6 năm 2020 tại hội trường xét xử B - Trụ sở Tòa án nhân dân quận Hải An, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 67/2020/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 3 năm 2020 về việc “ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 5 năm 2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 15 /2020/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 6 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Trần Văn Q, sinh năm 1983; địa chỉ: Tổ dân phố 5, khu K, phường Đ, quận H, thành phố H; vắng mặt.

- Bị đơn: Chị Phạm Thị T, sinh năm 1984; địa chỉ: Số nhà 22, TDP B 1, phường Đ 2, quận H, thành phố H; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 01 tháng 10 năm 2019 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Trần Văn Q trình bày:

Về hôn nhân: Anh Trần Văn Q và chị Phạm Thị T kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Đằng Lâm, quận Hải An, thành phố Hải Phòng vào tháng 3/2008. Sau khi kết hôn anh Q và chị T chung sống được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh Q và chị T không hợp nhau về tính cách, lối sống, cách suy nghĩ, cũng như trong sinh hoạt hàng ngày. Đến năm 2014, mâu thuẫn vợ chồng thực sự trầm trọng

không thể giải quyết, anh Q và chị T đã ly thân mỗi người một nơi, không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau. Đến nay, anh Q nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh Q được ly hôn với chị Phạm Thị T.

Về con chung: Anh Q và chị T có 02 con chung là Trần Anh T, sinh ngày 27/8/2008 và Trần Tuấn A, sinh ngày 29/5/2013. Hiện tại các con chung đều đang sinh sống cùng anh Q, nên khi ly hôn anh Q yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung.

Về tài sản chung: Anh Q không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, anh Trần Văn Q có đơn xin vắng mặt và giữ nguyên quan điểm như đã nêu trong đơn khởi kiện, bản tự khai của mình và đề nghị xét xử vắng mặt chị Phạm Thị T.

Trong quá trình Tòa án thụ lý, tiến hành tổ chức phiên tiếp cận chứng cứ, hòa giải chị Phạm Thị T đều vắng mặt không có lý do, mặc dù Tòa án đã triệu tập, niêm yết theo quy định của pháp luật và đến thời điểm phiên tòa mở lại chị Phạm Thị T cũng không có quan điểm khai nhận về nội dung khởi kiện của anh Q, tiếp tục vắng mặt không lý do.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã chấp hành đúng các qui định của pháp luật; nguyên đơn đã chấp hành đúng các qui định của pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án; Bị đơn đã không chấp hành qui định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự. Đồng thời phát biểu quan điểm về nội dung giải quyết vụ án trên cơ sở đánh giá, phân tích về tình trạng mâu thuẫn vợ chồng theo quy định của pháp luật và đề nghị Hội đồng xét xử cân nhắc tuyên xử theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trần Văn Q.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng:

[1] Đây là vụ án ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Tại thời điểm Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án, bị đơn là chị Phạm Thị T; nơi ĐKKHTT và nơi ở hiện nay: Số nhà 22, TDP B 1, phường Đ 2, quận H, thành phố H. Vì vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Hải An, thành phố Hải Phòng theo quy định tại Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Anh Trần Văn Q có đơn đề nghị xin vắng mặt tại phiên tòa, chị Phạm Thị T vắng mặt tại phiên tòa, mặc dù đã được Tòa án hai lần tổng đạt trực tiếp. Quan điểm của Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Hải An tham gia phiên tòa có quan điểm đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử chấp nhận là phù hợp quy định của pháp luật.

- Về hôn nhân:

[3] Anh Trần Văn Q và chị Phạm Thị T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, tuân theo các quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình nên là hôn nhân hợp pháp.

[4] Qua xác minh tại địa phương, trên cơ sở ý kiến của tổ dân phố, gia đình chị T, gia đình anh Q đều có quan điểm cho rằng vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, đã ly thân và có quan điểm tôn trọng với quyết định của anh Q. Trong bản tự khai anh Q cũng xác nhận vợ chồng có quan điểm sống không hợp nhau cả về sinh hoạt cũng như do làm ăn kinh tế thua lỗ, nợ nần. Mặc dù cũng đã nhiều lần vợ chồng và hai bên gia đình khuyên giải, nhưng đến nay anh Q nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng không thay đổi, ngày càng trầm trọng hơn, vợ chồng ly thân, không còn quan tâm đến nhau. Vì vậy anh Q giữ nguyên quan điểm đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị T.

[5] Về phía chị T, Tòa án đã thông tin liên lạc, niêm yết, giao thông báo thụ lý trực tiếp đến nơi cư trú của chị. Tòa án đã triệu tập hòa giải tiếp cận chứng cứ hợp lệ nhiều lần, nhưng chị T đều vắng mặt không có lý do, mặc dù chị T biết anh Q có yêu cầu ly hôn. Điều này thể hiện thái độ không tôn trọng, chấp hành pháp luật của chị T, cũng đồng thời làm rõ việc mâu thuẫn giữa anh Q và chị T là có thật. Từ đó cho thấy lời khai của anh Q trình bày trong đơn khởi kiện cũng như tại các văn bản khác là có cơ sở. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy: Mâu thuẫn giữa anh Q và chị T đã trầm trọng, không còn khả năng khắc phục, nếu kéo dài tình trạng gia đình như hiện tại chỉ gây khó khăn, cản trở cho cuộc sống của mỗi người.

Từ nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy: Yêu cầu xin ly hôn của anh Trần Văn Q với chị Phạm Thị T là có căn cứ, phù hợp các Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Về con chung:

[4] Anh Q và chị T xác nhận có 02 con chung là Trần Anh Tuấn, sinh ngày 27/8/2008 và Trần Tuấn Anh, sinh ngày 29/5/2013. Hiện tại các con chung đều đang sinh sống cùng anh Q. Mặt khác, tại tài liệu đơn đề nghị UBND phường Đông Hải 2, quận Hải An do chị T lập yêu cầu chuyển khẩu cho 02 con chung về chung sống cùng anh Q vào tháng 6/2019 có địa phương xác nhận, bản thân anh Q có công việc thu nhập ổn định. Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi và điều kiện để nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung trưởng thành, cũng như không làm xáo trộn cuộc sống của con chung, chị T không có quan điểm về việc nuôi con chung, nên xét cần giao 02 con chung là Trần Anh Tuấn và Trần Tuấn Anh cho anh Q trực

tiếp nuôi dưỡng. Điều này là có cơ sở, phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[5] Về tiền cấp dưỡng nuôi con chung, chị T không có quan điểm, anh Q không yêu cầu chị T có trách nhiệm đóng góp và không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra vấn đề xem xét giải quyết.

[6] Chị T có quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà họ không trực tiếp nuôi dưỡng. anh Q không được cản trở thực hiện quyền này theo quy định tại Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Về tài sản chung:

[7] Chị T vắng mặt không có quan điểm về tài sản. Anh Q không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra vấn đề xem xét giải quyết.

- Về án phí:

[8] Anh Trần Văn Q phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 19, Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ Điều 3; điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Xử cho anh Trần Văn Q được ly hôn với chị Phạm Thị T.

2. Về nuôi con chung: Giao cho anh Trần Văn Q trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chung là Trần Anh Tuấn, sinh ngày 27/8/2008 và Trần Tuấn Anh, sinh ngày 29/5/2013 đến khi trưởng thành hoặc đến khi có sự thay đổi khác.

Về tiền cấp dưỡng nuôi con chung, chị T không có quan điểm, anh Q không yêu cầu chị T có trách nhiệm đóng góp và không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

Chị T có quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà họ không trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Q không được cản trở thực hiện quyền này.

3. Về tài sản chung: Chị T vắng mặt không có quan điểm về tài sản. Anh Q không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Anh Trần Văn Q phải nộp 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Anh Q đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí ly hôn sơ thẩm tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí Ký hiệu AA/2016 số 0005583 ngày 06/3/2020 của Chi cục Thi hành án Dân sự quận Hải An, thành phố Hải Phòng. Anh Q đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo:

Anh Trần Văn Q, chị Phạm Thị T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày niêm yết hoặc nhận được bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- TAND TP Hải Phòng;
- VKSND quận Hải An;
- Chi cục THADS quận Hải An;
- UBND phường Đằng Lâm, quận Hải An, thành phố Hải Phòng;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Đỗ Đức Hoàng